

Biểu mẫu 21

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
Trường Quốc tế

THÔNG BÁO

Công khai tài chính của Trường Quốc tế năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm dự kiến năm học 2023-2024	Dự kiến Học phí/1SV dự kiến của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ			
	Khối ngành V			
	Tiến sĩ Tin học và kỹ thuật máy tính do ĐHQGHN cấp bằng	Triệu đồng/năm	92.00	276.00
	Tiến sĩ Kinh tế và quản lý do ĐHQGHN cấp bằng	Triệu đồng/năm	72.00	216.00
2	Thạc sỹ			
2.1	Khối ngành III			
	Thạc sỹ Quản trị tài chính do ĐHQGHN cấp bằng (thời gian đào tạo 24 tháng)	Triệu đồng/năm	52.88	105.75
	Thạc sỹ Kinh doanh quốc tế do ĐHQGHN cấp bằng (thời gian đào tạo 24 tháng)	Triệu đồng/năm	52.88	105.75
2.2	Khối ngành V			
	Thạc sỹ Tin học và Kỹ thuật máy tính do ĐHQGHN cấp bằng (thời gian đào tạo 18 tháng)	Triệu đồng/năm	61.50	92.25
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
3.1	Khối ngành III			
	Kinh doanh quốc tế	Triệu đồng/năm	50.60	202
	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	Triệu đồng/năm	50.60	202
	Hệ thống thông tin quản lý	Triệu đồng/năm	35.25	141

	Phân tích dữ liệu kinh doanh	Triệu đồng/năm	35.25	141
3.2	Khối ngành V			
	Tin học và Kỹ thuật máy tính	Triệu đồng/năm	41.00	164.00
	Tự động hóa và Tin học	Triệu đồng/năm	41.00	184.50
	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	Triệu đồng/năm	41.00	164.00
	Công nghệ thông tin ứng dụng	Triệu đồng/năm	41.00	164.00
	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics	Triệu đồng/năm	41.00	164.00
3.3	Khối ngành VII			
	Ngôn ngữ Anh	Triệu đồng/năm	37.50	150.00
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
II	Học phí chính quy chương trình khác			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
	Thạc sĩ Tài chính, Ngân hàng, Bảo hiểm quốc tế do ĐH Nantes, CH Pháp cấp bằng (18 tháng)	Triệu đồng/năm	115.36	173.04
	Thạc sĩ Nghiên cứu và Tác nghiệp Marketing do ĐH Nantes, CH Pháp cấp bằng (18 tháng)	Triệu đồng/năm	115.36	173.04
	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh do ĐH Công nghệ Lunghwa cấp bằng (24 tháng)	Triệu đồng/năm	70.50	141.00
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
3.1	Khối ngành III			
	Marketing do VNU và Đại học HELP, Malaysia cùng cấp bằng	Triệu đồng/năm	80.50	322.00

	Quản lý song bằng do VNU và Đại học Keuka, Mỹ cùng cấp bằng	Triệu đồng/năm	112.70	450.80
	Quản lý do Đại học Keuka, Mỹ cấp bằng	Triệu đồng/năm	65.80	263.20
	Kế toán và Tài chính do Đại học East London, Vương Quốc Anh cấp bằng	Triệu đồng/năm	69.91	279.65
3.2	Khối ngành VII			
	Quản trị Khách sạn, Thể thao và Du lịch do Đại học TROY, Mỹ cấp bằng	Triệu đồng/năm	72.64	254.24
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
III	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
1	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
3	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
IV	Tổng thu năm	Tỷ đồng		
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng		
2	Từ học phí	Tỷ đồng		
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng		
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng		

Hà Nội, ngày 26 tháng 1 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Trần Anh Hòa